

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Đại Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của UBND huyện Đại Lộc tại Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 29/3/2024 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 316/TTr-SNV ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp huyện Đại Lộc, cụ thể như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình: 21 vị trí.
- Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp: 14 vị trí.

(Phụ lục I, II kèm theo)

2. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình: Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 100%.
- Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp: Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương: 100%.

(Phụ lục IA, IB, IIA, IIB kèm theo)

Điều 2. Ủy quyền cho UBND huyện Đại Lộc trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các Bộ chuyên ngành và tình hình thực tế địa phương, thực hiện phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực từng vị trí việc làm của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp huyện Đại Lộc; đồng thời, rà soát, cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thời gian ủy quyền: từ ngày ký Quyết định đến ngày 31/12/2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Đại Lộc có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt; thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế theo quy định. Bố trí viên chức theo vị trí việc làm, cơ cấu viên chức đảm bảo phù hợp với số lượng biên chế viên chức được cấp thẩm quyền giao hằng năm.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền theo quy định. Hoàn thành việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm; đồng thời, tiếp tục cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (nếu có) theo quy định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và quản lý, sử dụng biên chế viên chức của UBND huyện Đại Lộc theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Đại Lộc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NCKS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục I
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM
VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH
HUYỆN ĐẠI LỘC

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ghi chú
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)		
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
2	LĐQL.02.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (12 VTVL)		
1	NVCN.01.03	Biên tập viên hạng III	
2	NVCN.02.04	Phóng viên hạng III	
3	NVCN.03.05	Âm thanh viên hạng III	
4	NVCN.04.06	Kỹ thuật dựng phim hạng III	
5	NVCN.05.07	Phát thanh viên hạng III	
6	NVCN.06.08	Quay phim viên hạng III	
7	NVCN.07.09	Thư viện viên hạng III	
8	NVCN.08.10	Di sản viên hạng III	
9	NVCN.09.11	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	
10	NVCN.10.12	Đạo diễn nghệ thuật hạng III	
11	NVCN.11.13	Họa sĩ hạng III	
12	NVCN.12.14	Huấn luyện viên hạng III	
III	VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (05 VTVL)		
1	CMDC.01.15	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
2	CMDC.02.16	Văn thư viên	
3	CMDC.03.17	Lưu trữ viên hạng III	
4	CMDC.04.18	Kế toán viên	
5	CMDC.05.19	Nhân viên Thủ quỹ	
III	VTVL HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 VTVL)		
1	HTPV.01.20	Nhân viên bảo vệ	
2	HTPV.02.21	Nhân viên phục vụ	

(Tổng cộng 21 vị trí việc làm)./.

Phụ lục IA

CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐẠI LỘC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		TỔNG CỘNG		18	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)			03	
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		01	
2	LĐQL.02.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		02	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (12 VTVL)			13	
1	NVCN.01.03	Biên tập viên hạng III	Hạng III		
2	NVCN.02.04	Phóng viên hạng III	Hạng III	03	20%
3	NVCN.03.05	Âm thanh viên hạng III	Hạng III	01	6.67%
4	NVCN.04.06	Kỹ thuật dựng phim hạng III	Hạng III	02	13.33%
5	NVCN.05.07	Phát thanh viên hạng III	Hạng III	01	6.67%
6	NVCN.06.08	Quay phim viên hạng III	Hạng III		
7	NVCN.07.09	Thư viện viên hạng III	Hạng III	02	13.33%
8	NVCN.08.10	Di sản viên hạng III	Hạng III	01	6.67%
9	NVCN.09.11	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	Hạng III	01	6.67%
10	NVCN.10.12	Đạo diễn nghệ thuật hạng III	Hạng III		
11	NVCN.11.13	Họa sĩ hạng III	Hạng III	01	6.67%
12	NVCN.12.14	Huấn luyện viên hạng III	Hạng III	01	6.67%
III	VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (05 VTVL)			02	
1	CMDC.01.15	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01	6.67%
2	CMDC.02.16	Văn thư viên	Văn thư viên		
3	CMDC.03.17	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III		
4	CMDC.04.18	Kế toán viên	Kế toán viên	01	6.67%
5	CMDC.05.19	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên		
III	VTVL HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 VTVL)				
1	HTPV.01.20	Nhân viên bảo vệ			
2	HTPV.02.21	Nhân viên phục vụ			

Phụ lục IB

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ
TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN ĐẠI LỘC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	15	100%
Tổng		15	100%

Phụ lục II

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM
KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẠI LỘC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ghi chú
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 VTVL)		
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
2	LĐQL.02.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện	
II	Vị trí việc làm CDNN chuyên ngành (05 VTVL)		
1	NVCN.01.03	Bảo vệ thực vật hạng III	
2	NVCN.02.04	Khuyến nông hạng III	
3	NVCN.03.05	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	
4	NVCN.04.06	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV	
5	NVCN.05.07	Kiểm nghiệm thủy sản hạng III	
III	Vị trí việc làm CDNN chuyên môn dùng chung (05 VTVL)		
1	CMDC.01.08	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	
2	CMDC.02.09	Văn thư viên	
3	CMDC.03.10	Lưu trữ viên hạng III	
4	CMDC.04.11	Kế toán viên	
5	CMDC.05.12	Nhân viên thủ quỹ	
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (02 VTVL)		
1	HTPV.01.13	Nhân viên bảo vệ	
2	HTPV.02.14	Nhân viên phục vụ	

(Tổng cộng 14 vị trí việc làm)./.

Phụ lục IIA
CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT
NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẠI LỘC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
				Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
		TỔNG CỘNG		15	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ (02 VTVL)			03	
1	LĐQL.01.01	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		01	
2	LĐQL.02.02	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện		02	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (05 VTVL)			10	
1	NVCN.01.03	Bảo vệ thực vật hạng III	Hạng III	04	33.33%
2	NVCN.02.04	Khuyến nông hạng III	Hạng III	03	25%
3	NVCN.03.05	Chẩn đoán bệnh động vật hạng III	Hạng III	03	25%
4	NVCN.04.06	Kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV	Hạng IV		
5	NVCN.05.07	Kiểm nghiệm thủy sản hạng III	Hạng III		
III	VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (05 VTVL)			02	
1	CMDC.01.08	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01	8.33%
2	CMDC.02.09	Văn thư viên	Văn thư viên		
3	CMDC.03.10	Lưu trữ viên hạng III	Hạng III		
4	CMDC.04.11	Kế toán viên	Kế toán viên	01	8.33%
5	CMDC.05.12	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên		
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (02 VTVL)				
1	HTPV.01.13	Nhân viên bảo vệ			
2	HTPV.02.14	Nhân viên phục vụ			

Phụ lục IIB

**TỔNG HỢP CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRUNG TÂM
KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP HUYỆN ĐẠI LỘC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
		Số lượng người làm việc	Tỷ lệ %
1	Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương	12	100%
Tổng		12	100%